TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 18-01-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Mai Lương Anh

- Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 184/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phan N.

Nơi cư trú: VT, Phường T, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Phan Minh T

Nơi cư trú: HVT, Phường R, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Giấy ủy quyền ngày 13/7/2020, số công chứng 04335, quyển số 76-TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Phạm Thị Thùy Trang, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* ông Nịnh Văn Đ, bà Lý Thị Th

Nơi cư trú: số 79 Ngô Thì Sỹ, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phan N có mặt, ông Phan Minh T, ông Nịnh Văn Đ, bà Lý Thị Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Phan N trình bày:

Ngày 01/01/2017, ông Nịnh Văn Đ và bà Lý Thị Th có vay của ông số tiền 46.500.000 đồng để làm nhà ở với lãi suất 5% /tháng, có viết giấy vay tiền. Ông Đ trả lãi được 5 tháng, mỗi tháng 2.300.000 đồng, thành tiền là 11.500.000 đồng. Đến tháng 6/2017 ông Đ nói với ông là hoàn cảnh khó khăn nên xin ông tiền lãi và sẽ trả tiền gốc mỗi tháng là 3.000.000 đồng thì ông đồng ý, nhưng 1 tháng sau, vào ngày 01/7/2017 ông Đ chỉ trả được 2.000.000 đồng. Sau đó, ông nhiều lần qua nhà ông Đ yêu cầu ông Đ và bà Th trả tiền nhưng ông Đ đều trốn tránh không gặp. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà Th trả cho ông số tiền 64.500.000 đồng, trong đó, tiền gốc là 44.500.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Quá trình làm việc, ông cho rằng ông Đ bà Th đã trả lãi cho ông được 5 tháng, từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 là 11.500.000 đồng, vượt quá so với quy định của pháp luật là 7.625.000 đồng nên yêu cầu ông Đ, bà Th phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 36.875.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01/7/2017 tạm tính đến ngày 14/10/2020 là 27.625.000 đồng.

Bị đơn ông Nịnh Văn Đ, bà Lý Thị Th được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Nịnh Văn Đ và bà Lý Thị Th phải trả cho ông số tiền 64.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 36.875.000 đồng và tiền lãi chỉ tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 14/10/2020 là 27.625.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách nguyên đơn, bị đơn, thời hạn giải quyết và thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 36.875.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi, chỉ chấp nhận số tiền lãi là 24.283.538 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn ông Nịnh Văn Đ, bà Lý Thị Th được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt ông Đ, bà Th.

[2]. Về nội dung:

Ông N khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Th trả cho ông tổng số tiền 64.500.000 đồng, trong đó tiền gốc là 36.875.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/7/2017 tính đến ngày 14/10/2020 là 27.625.000 đồng.

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 01/01/2017 thể hiện ông N cho vợ chồng ông Đ, bà Th vay số tiền 46.500.000 đồng với lãi suất 5% /tháng, thời hạn là 01 năm, giấy vay tiền có chữ ký bên vay là Nịnh Văn Đ, Lý Thị Th, có cơ sở khẳng định giữa ông N và vợ chồng ông Đ, bà Th đã thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Quá trình làm việc, ông N thừa nhận ông Đ trả lãi được 5 tháng từ tháng 01 đến tháng 5/2017, mỗi tháng là 2.300.000 đồng, thành tiền là 11.500.000 đồng. Xét thỏa thuận lãi suất 5% của hai bên tại Giấy vay nợ ngày 01/01/2017 là vượt quá lãi suất quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi vượt quá sẽ được trừ vào nợ gốc tại thời điểm trả lãi. Tính đến tháng 6/2017, ông Đ, bà Th đã trả lãi vượt quá số tiền là 7.883.439 đồng, ngày 01/7/2017 trả thêm tiền gốc là 2.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 01/7/2017, ông Đ, bà Th còn nợ số tiền gốc là 36.616.561 đồng.

Về tiền lãi: các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá quy định của pháp luật, do đó áp dụng mức lãi suất 20%/năm để tính lãi suất trên số tiền nợ gốc là 36.616.561 đồng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 01/7/2017 đến ngày 14/10/2020 là 39 tháng 13 ngày, tương đương với số tiền lãi là 24.065.217 đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngưu, buộc ông Đ, bà Th liên đới trả cho ông N số tiền 60.681.778 đồng, trong đó tiền gốc là 36.616.561 đồng, tiền lãi là 24.065.217 đồng.

Về án phí: Ông N sinh năm 1935, là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn án phí sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận, số tiền án phí được miễn là 300.000 đồng.

Ông Đ, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.034.088 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan N.

Buộc ông Nịnh Văn Đ, bà Lý Thị Th liên đới trả cho ông Phan N số tiền: 60.681.778 (sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng, trong đó tiền gốc là 36.616.561 (ba mươi sáu triệu sáu trăm mười sáu nghìn năm trăm sáu mươi mốt) đồng, tiền lãi là 24.065.217 (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm mười bảy) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho ông Phan N. Ông Nịnh Văn Đ và bà Lý Thị Th liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.034.088 (ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phan N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông Nịnh Văn Đ và bà Lý Thị Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Lý